

Thứ hai, ngày 27 tháng 3 năm 2023

Vietnam Daily Review

Đà tăng cuối phiên

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 28/3/2023		●	
Tuần 27/3-31/3/2023		●	
Tháng 03/2023		●	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Giảm điểm mạnh ngay khi bắt đầu tuần mới, tuy nhiên sau đó VN-Index đã quay đầu tăng trở lại và kết phiên tại mốc 1,052.25 điểm, tăng nhẹ hơn 5 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 13/19 ngành tăng điểm, trong đó mức tăng mạnh nhất có thể kể đến ngành Dịch vụ tài chính và Tài nguyên cơ bản. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Thị trường hiện tại vẫn đang trong nỗ lực bật lên khỏi ngưỡng kháng cự 1,050 và khả năng sẽ tiếp diễn xu hướng này trong những phiên giao dịch tới.

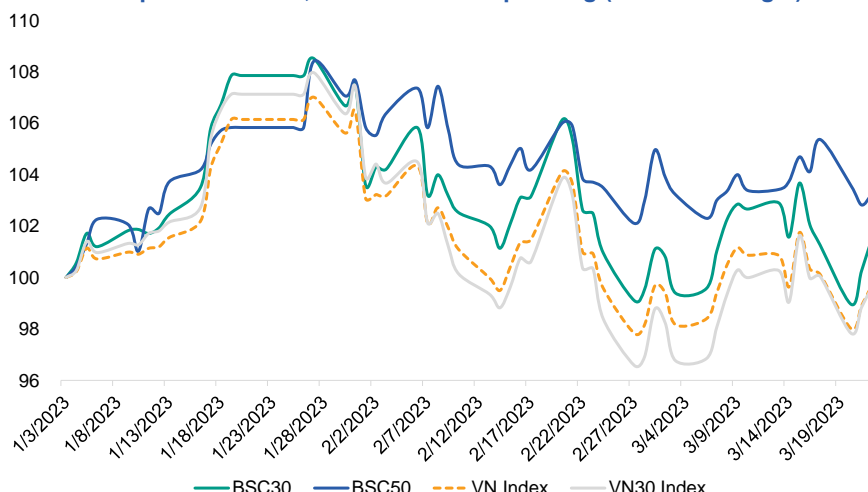
Hợp đồng tương lai: Các HĐTL tăng theo nhịp vận động của VN30. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 27/3/2023, các chứng quyền biến động theo nhịp hồi phục của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

- VN-Index +5.46 điểm, đóng cửa 1052.25 điểm. HNX-Index +0.95 điểm, đóng cửa 206.67 điểm.
- Kéo chỉ số tăng: VCB (+2.37), HPG (+0.58), BID (+0.57), NVL (+0.39), CTG (+0.3).
- Kéo chỉ số giảm: VHM (-0.65), MSN (-0.46), SAB (-0.29), PLX (-0.21), VNM (-0.21).
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 8,430 tỷ đồng, tăng 3.49% so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 9,716 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 11.79 điểm. Thị trường có 245 mã tăng, 63 mã tham chiếu, 138 mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: 171.17 tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm HPG (63.03 tỷ), VHM (50.19 tỷ), SSI (34.87 tỷ). Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị 0.98 tỷ đồng.

Hiệu suất BSC30, BSC50 so với thị trường (Chi tiết - trang 5)



BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn
Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn
Phạm Thanh Thảo
thaopt1@bsc.com.vn
Vũ Việt Anh
anhvv@bsc.com.vn
Nguyễn Giang Anh
anhng@bsc.com.vn

VN-INDEX **1052.25**
Giá trị: 8430.11 tỷ **5.46 (0.52%)**
Khối ngoại (ròng): 171.17 tỷ

HNX-INDEX **206.67**
Giá trị: 831.98 tỷ **0.95 (0.46%)**
Khối ngoại (ròng): 0.98 tỷ

UPCOM-INDEX **75.68**
Giá trị: 202.56 tỷ **-0.49 (-0.64%)**
Khối ngoại (ròng): -0.26 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	68.9	0.80%
Giá vàng	1,930	0.57%
Tỷ giá USD/VND	23,590	0.06%
Tỷ giá EUR/VND	25,136	0.46%
Tỷ giá JPY/VND	177	0.16%
LS liên NH 1 tháng	4.8%	0.92%
LS TPCP 5 năm	3.7%	0.01%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HPG	63.03	VNM	-63.47
VHM	50.19	MSN	-56.72
SSI	34.87	GMD	-36.98
VCB	26.30	DGW	-13.01
POW	18.62	PVD	-12.70

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Hiệu suất PTKT	Trang 2
Thị trường phái sinh	Trang 3
Thông kê thị trường	Trang 4
Danh mục BSC30	Trang 5
Danh mục BSC50	Trang 6
Báo cáo mới nhất	Trang 7
Khuyến cáo sử dụng	Trang 8

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thông kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá đóng cửa tại ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
3/16/2023	GVR	15	16.9	14	14.9	11	-0.67%	Có thể giữ nguyên vị thế
3/7/2023	HPG	21.1	24	19.8	20.8	20	-1.42%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
3/2/2023	DDV	8.6	10	8	8.5	25	-1.16%	Có thể giữ nguyên vị thế
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiền cận giá mục tiêu		

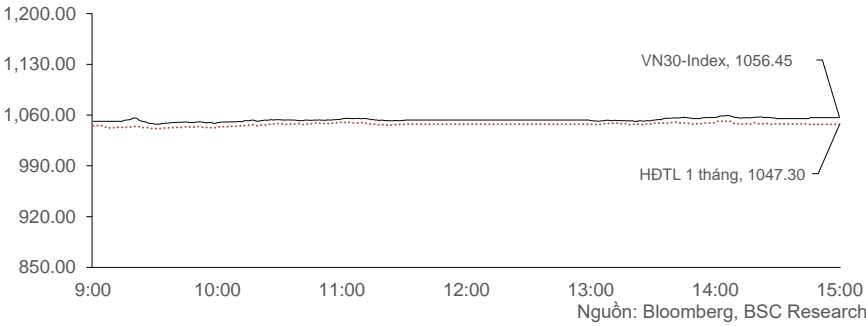
Thông kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá đóng cửa tại ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
31/1/23	DGC	60.3	70	56.6	SL	8	-6.14%
19/12/22	VCS	57.7	70.5	53.3	SL	46	-7.63%
16/12/22	IJC	14.2	18	13	SL	4	-8.45%
18/8/22	PTB	67.8	77	64	SL	21	-5.60%
5/8/22	DRC	29.5	34	28.2	SL	54	-4.41%
4/8/22	VTP	62.3	70	58.5	SL	46	-6.10%
7/18/22	GVR	23.2	23.5	21.9	TP	65	1.29%
27/6/22	DBC	19.45	24	18.25	TP	9	23.39%
6/6/2022	NT2	25.1	28.5	23.5	TP	8	13.55%
1/6/2022	PC1	38.5	43.3	35.2	TP	7	12.47%
25/5/22	FRT	82.7	103.9	76.3	TP	26	25.63%
19/5/22	DCM	31.4	40	28	TP	14	27.39%
Chú thích: Danh sách thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất					TP - Đã chốt lời	SL - Đã cắt lỗ	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất khuyến nghị lãi	Hiệu suất khuyến nghị lỗ	Hiệu suất bình quân	Số ngày nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	0	3	0.00%	-1.08%	-1.08%	19
Cổ phiếu đã chốt	251	232	7.01%	-7.45%	3.97%	23

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2304	1047.30	0.40%	-9.15	-1.9%	312,192	4/20/2023	26
VN30F2305	1045.00	0.38%	-11.45	-54.2%	682	5/18/2023	54
VN30F2306	1041.60	0.25%	-14.85	-13.1%	86	6/15/2023	82
VN30F2309	1041.70	0.19%	-14.75	-58.4%	32	9/21/2023	180

Source: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 tăng 5.03 điểm lên 1056.45 điểm, biên độ dao động 12.85 điểm. Các cổ phiếu như HPG, VCB, NVL, STB, và SSI đã tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 kết phiên trong sắc xanh với số lượng mã tăng điểm chiếm ưu thế. Thanh khoản thị trường nằm dưới đường MA20. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.
- Các HĐTL tăng theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, tất các hợp đồng đều giảm. Xét về vị thế mở, VN30F2305 tăng, các hợp đồng đều giảm.

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	±Giá (%)	Index pt
HPG	20.80	1.96	1.34
VCB	91.00	2.25	1.09
NVL	12.70	6.72	0.90
STB	25.50	1.80	0.89
SSI	21.00	2.69	0.60

Source: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	±Giá (%)	Index pt
MSN	76.7	-1.67	-0.87
VHM	48.4	-1.22	-0.68
VNM	74.6	-0.53	-0.35
ACB	24.5	-0.41	-0.30
SAB	186.0	-0.96	-0.13

Source: Bloomberg, BSC Research

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CVPB2211	3/31/2023	4	20:1	1,988,300	38.90%	2,450	70	40.00%	0	377.18	23,352	23,312	21,250
CFPT2210	8/31/2023	157	10:1	227,000	24.55%	2,350	440	10.00%	200	2.20	94,700	90,000	79,100
CSTB2225	11/1/2023	219	5:1	440,800	49.63%	2,900	3,800	5.56%	1,385	2.74	27,180	20,500	25,500
CHPG2227	11/1/2023	219	3:1	193,200	49.99%	2,400	2,110	5.50%	1,194	1.77	24,500	-	20,800
CPOW2210	6/6/2023	71	5:1	121,900	39.75%	1,870	960	5.49%	225	4.27	13,920	13,000	13,300
CHPG2225	6/6/2023	71	2:1	367,000	49.99%	1,550	1,390	3.73%	2,155	0.65	21,290	17,000	20,800
CSTB2224	9/5/2023	162	1:1	195,300	49.63%	2,700	3,670	3.67%	6,784	0.54	26,380	20,000	25,500
CVPB2214	9/5/2023	162	15.7:1	716,600	38.90%	1,100	1,480	2.78%	321	4.61	21,480	17,000	21,250
CVPB2214	9/5/2023	162	15.7:1	716,600	38.90%	1,100	1,480	2.78%	321	4.61	21,480	17,000	21,250
CHPG2301	6/27/2023	92	2:1	61,300	49.99%	1,970	2,040	2.00%	1,564	1.30	23,300	19,000	20,800
CVPB2301	9/27/2023	184	4.91:1	211,000	38.90%	1,000	1,220	1.67%	675	1.81	23,680	19,800	21,250
CVPB2301	9/27/2023	184	4.91:1	211,000	38.90%	1,000	1,220	1.67%	675	1.81	23,680	19,800	21,250
CVPB2212	8/31/2023	157	15.2:1	499,200	38.90%	1,700	460	0.00%	75	6.149	25,523	24,644	21,250
CMBB2213	6/6/2023	71	3:1	302,700	39.43%	1,550	750	0.00%	607	1.24	19,280	17,000	17,950
CMWG2214	9/5/2023	162	10:1	561,000	44.64%	1,100	380	0.00%	205	1.85	50,700	46,500	38,100
CVRE2216	8/31/2023	157	2.66:1	232,100	44.68%	1,650	650	0.00%	1,115	0.58	33,240	31,000	29,300
CVPB2212	8/31/2023	157	15.2:1	499,200	38.90%	1,700	460	0.00%	75	6.15	25,523	24,644	21,250
CVNM2211	6/6/2023	71	1.91:1	63,000	22.84%	2,500	1,630	-4.12%	4,597	0.35	78,300	66,806	74,600
CVHM2220	11/1/2023	219	8:1	84,300	38.07%	3,000	1,070	-4.46%	369	2.90	62,000	58,000	48,400
CMSN2215	9/5/2023	162	10:1	1,288,200	40.31%	2,600	410	-4.65%	197	2.08	108,400	102,000	76,700
Tổng				8,979,700	40.79%**								

Chú thích: Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
**Trung bình độ lệch chuẩn

CR: Tỷ lệ chuyển đổi
Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn
***Giá lý thuyết** được tính theo công thức Black-Scholes

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 27/3/2023, các chứng quyền biến động theo nhịp hồi phục của cổ phiếu cơ sở.
- CSTB2225 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 16.56%. Giá trị giao dịch tăng 25.02%. CSTB2225 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 16.56%.
- CVRE2219, CVRE2215, CVNM2211, và CSTB2224 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CSTB2224, CVPB2214, CSTB2225, và CVPB2301 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CSTB2224, CVNM2211, CHPG2225, và CVNM2207 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	91.00	2.25	2.37	730100
HPG	20.80	1.96	0.58	20.27MLN
BID	46.00	0.99	0.57	672200
NVL	12.70	6.72	0.39	24.34MLN
CTG	28.75	0.88	0.30	1.39MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VHM	48.40	-1.22	-1	1.87MLN
MSN	76.70	-1.67	0	1.64MLN
SAB	186.00	-0.96	0	58400
PLX	35.70	-1.79	0	913200
VNM	74.60	-0.53	0	1.37MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

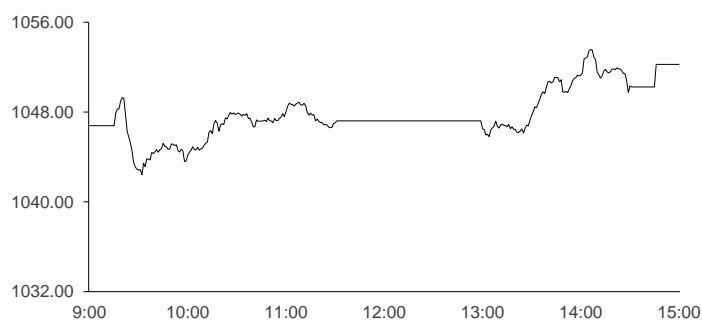
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
FTS	23.15	6.93	0.07	2.96MLN
PDN	145.10	6.93	0.04	200
PNC	10.05	6.91	0.00	700
BSI	19.45	6.87	0.06	875700
TGG	3.61	6.80	0.00	625100

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VHM	48.40	-1.22	-0.65	1.87MLN
MSN	76.70	-1.67	-0.46	1.64MLN
SAB	186.00	-0.96	-0.29	58400.00
PLX	35.70	-1.79	-0.21	913200
VNM	74.60	-0.53	-0.21	1.37MLN

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 1
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHS	9.10	2.25	0.25	22.87MLN
NVB	15.70	1.95	0.25	76900
HUT	15.80	1.94	0.16	1.26MLN
IDC	39.40	0.77	0.11	1.69MLN
KSF	43.90	0.92	0.10	20000

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BAB	14.00	-1.41	-0.24	16400
PTI	31.50	-7.35	-0.10	400
SCG	68.90	-1.15	-0.08	152400
DDG	42.40	-1.17	-0.04	192800
DP3	95.20	-6.21	-0.04	500

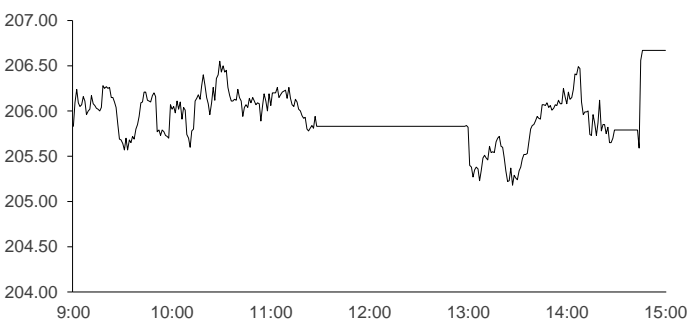
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BST	14.60	9.8	0.00	500
HJS	38.30	9.7	0.04	100
PJC	25.50	9.4	0.01	1200
VTH	7.10	9.2	0.00	100
VBC	20.20	9.2	0.00	1600

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

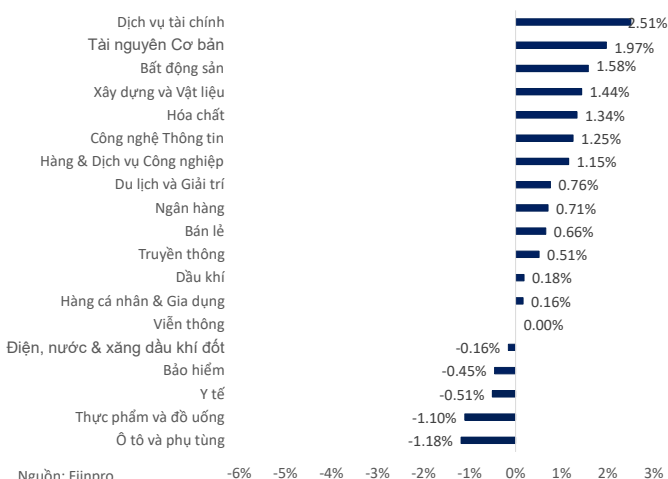
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DHP	9.90	-10.00	-0.01	100
NBW	26.10	-10.00	-0.01	900
PEN	7.20	-10.00	0.00	200
SGC	65.50	-9.78	-0.02	300
VE1	2.80	-9.68	0.00	100

Hình 2
HNX-Index Intraday



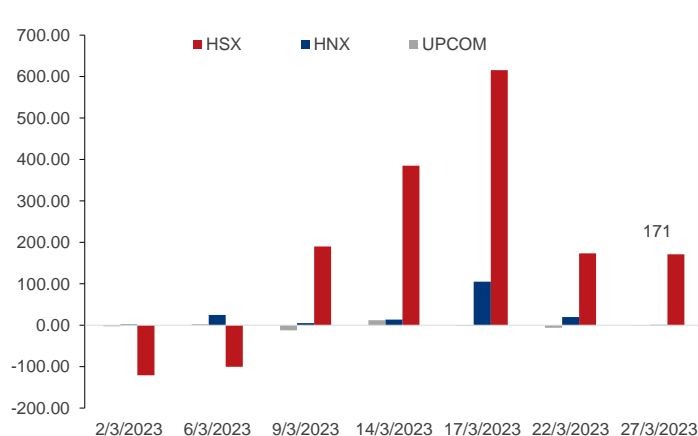
Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3
Vận động ngành



Nguồn: Fiinpro

Hình 4
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

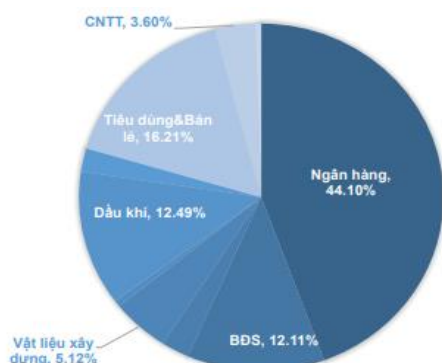
Danh mục BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tài báo
VCB	Ngân hàng	91.0	2.2%	0.9	18,724	2.9	7,311	12.4	105,000	23.6%	Link
BID	Ngân hàng	46.0	1.0%	1.0	10,117	1.3	4,208	10.9	54,578	17.3%	Link
CTG	Ngân hàng	28.8	0.9%	1.2	6,007	1.7	-	-	-	28.1%	Link
VPB	Ngân hàng	21.3	0.5%	1.2	6,202	27.1	-	-	-	17.6%	Link
ACB	Ngân hàng	24.5	-0.4%	1.1	3,590	2.6	4,640	5.3	26,000	30.0%	Link
MBB	Ngân hàng	18.0	1.1%	1.1	3,538	6.2	4,603	3.9	24,600	23.2%	Link
STB	Ngân hàng	25.5	1.8%	1.3	2,090	18.4	4,880	5.2	31,200	29.2%	Link
SSI	Chứng khoán	21.0	2.7%	1.7	1,369	21.5	N/A	-	-	42.8%	Link
GVR	BDS KCN	14.9	0.7%	1.8	2,591	1.0	1,217	12.2	19,100	0.5%	Link
HPG	Vật liệu xây dựng	20.8	2.0%	1.0	5,259	18.2	1,916	10.9	25,000	23.4%	Link
HSG	Vật liệu xây dựng	16.4	2.8%	2.1	425	12.9	1,896	8.6	18,500	10.6%	Link
VHM	BDS	48.4	-1.2%	0.9	9,163	4.0	5,227	9.3	68,300	23.9%	Link
VRE	BDS	29.3	0.2%	0.4	2,895	2.2	1,576	18.6	31,800	32.5%	Link
NLG	BDS	25.5	2.4%	1.5	426	1.3	2,557	10.0	38,700	44.9%	Link
DPM	Phân bón	33.8	0.3%	1.5	575	1.5	14,120	2.4	42,000	18.4%	Link
GAS	Dầu khí	102.0	-0.4%	0.8	8,488	0.5	6,793	15.0	122,300	3.0%	Link
PLX	Dầu khí	35.7	-1.8%	0.8	1,972	1.4	2,625	13.6	42,000	18.1%	Link
BSR	Dầu khí	15.5	2.0%	1.6	2,089	1.7	2,292	6.8	18,400	41.1%	Link
PVS	Dầu khí	25.2	0.0%	1.3	524	3.7	1,340	18.8	31,100	20.4%	Link
PVT	Dầu khí	20.4	-0.7%	1.3	286	1.1	2,929	6.9	24,300	18.3%	Link
POW	Tiện ích	13.3	0.4%	1.2	1,354	3.7	993	13.4	13,000	6.3%	Link
REE	Tiện ích	68.0	0.7%	0.8	1,051	0.3	7,698	8.8	85,000	49.0%	Link
VNM	Tiêu dùng	74.6	-0.5%	0.4	6,779	4.4	3,895	19.2	87,600	55.8%	Link
MSN	Tiêu dùng	76.7	-1.7%	1.2	4,748	5.5	2,605	29.4	96,000	30.6%	Link
MWG	Bán lẻ	38.1	0.4%	1.3	2,424	4.1	3,456	11.0	55,200	49.0%	Link
PNJ	Bán lẻ	78.2	-1.0%	0.8	1,115	0.7	7,475	10.5	95,000	49.0%	Link
FRT	Bán lẻ	65.1	0.2%	1.4	335	2.5	2,965	22.0	77,100	29.0%	Link
VHC	Thủy sản	54.2	-1.5%	1.2	432	0.7	12,800	4.2	67,500	30.5%	Link
GMD	Logistics	51.5	3.4%	0.7	675	2.6	7,059	7.3	57,000	48.8%	Link
FPT	Công nghệ	79.1	0.6%	0.8	3,773	2.6	5,901	13.4	91,900	49.0%	Link

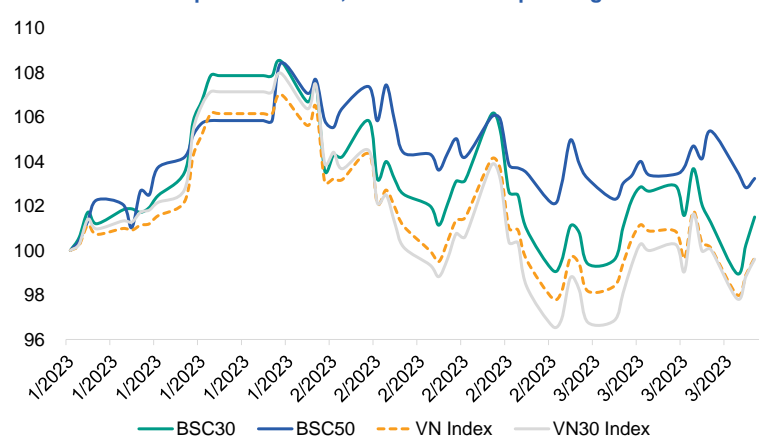
Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Ho Chi Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	0.6%	-0.2%	0.5%	0.5%
1 tuần	3.6%	-0.1%	2.8%	3.1%
1 tháng	3.4%	1.3%	3.0%	4.4%
3 tháng	-5.6%	-4.6%	-5.8%	-6.6%



Hiệu suất BSC30, BSC50 so với thị trường



Danh mục BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	ROE (%)
TCB	Ngân hàng	26.5	0.2%	1.4	4,052	1.8	5,737	4.6	0.8	22.5%	19.7%
BVH	Bảo hiểm	48.5	0.0%	0.9	1,565	0.6	2,059	23.6	1.8	27.4%	7.4%
VND	Chứng khoán	15.5	1.0%	2.1	818	14.0	1,003	15.4	1.3		10.0%
FTS	Chứng khoán	23.2	6.9%	2.2	196	2.9	1,672	13.8	1.3	25.4%	10.1%
CII	Xây dựng	14.7	1.4%	1.8	161	2.2	3,003	4.9	0.7	9.1%	14.2%
CTD	Xây dựng	40.0	1.5%	1.8	128	0.8	281	142.4	0.4	49.1%	0.3%
HBC	Xây dựng	8.2	2.8%	1.9	97	0.5	(4,168)		0.9	15.7%	-36.1%
LCG	Xây dựng	12.8	2.0%	2.0	105	4.5	1,044	12.2	1.0	3.1%	8.0%
BCM	KCN	82.2	0.2%	0.9	3,699	0.3	1,306	62.9	5.0	2.8%	9.9%
IDC	KCN	39.4	0.8%	1.7	565	2.9	6,831	5.8	2.4	1.1%	50.1%
VGC	KCN	32.3	0.2%	1.5	630	0.5	3,855	8.4	1.9	5.0%	23.5%
VCS	Vật liệu	50.1	1.0%	0.9	349	0.1	6,671	7.5	1.6	3.1%	23.6%
HT1	Vật liệu	15.4	1.3%	1.5	255	0.7	675	22.8	1.2	3.4%	5.0%
BMP	Vật liệu	58.7	2.1%	0.7	209	0.1	8,505	6.9	1.8	85.4%	28.3%
NKG	Vật liệu	16.3	2.5%	2.3	187	6.9	(253)		0.8	12.7%	-1.2%
PTB	Vật liệu	39.8	-1.4%	1.0	118	0.3	7,158	5.6	1.0	13.5%	19.5%
NVL	BDS	12.7	6.7%	1.0	1,077	13.2	1,167	10.9	0.7	6.0%	6.2%
DIG	BDS	13.3	3.9%	2.5	351	9.4	250	53.0	1.1	5.7%	2.0%
IJC	BDS	13.2	3.1%	2.1	144	1.4	1,914	6.9	0.9	6.0%	13.5%
SCR	BDS	6.7	0.8%	1.9	115	1.2	127	52.9	0.5	0.4%	1.0%
VEA	Ô tô	37.9	0.3%	0.5	2,190	0.1	4,320	8.8	2.1	5.1%	23.7%
DCM	Phân bón	24.6	1.2%	1.4	565	1.6	7,702	3.2	1.2	11.2%	45.2%
PVD	Dầu khí	20.2	0.7%	1.5	488	2.8	(0)		0.8	23.2%	-0.7%
PLC	Dầu khí	33.2	0.3%	1.8	117	0.6	1,649	20.1	2.2	1.3%	10.2%
DRC	Săm & Lốp xe	22.2	0.9%	1.3	114	0.0	2,586	8.6	1.4	8.4%	16.7%
GEX	Tiện ích	12.6	2.0%	1.8	465	4.8	433	29.0	0.9	12.0%	3.1%
NT2	Tiện ích	28.6	2.1%	0.8	358	0.8	2,992	9.6	1.8	15.9%	19.5%
VSH	Tiện ích	38.1	0.3%	0.7	391	0.2	5,354	7.1	1.8	11.7%	28.0%
HDG	Tiện ích	29.9	1.0%	1.5	318	0.6	4,599	6.5	1.3	20.4%	22.7%
PC1	Tiện ích	27.6	0.4%	1.3	325	1.0	1,664	16.6	1.5	7.7%	9.2%
HND	Tiện ích	14.0	2.2%	0.5	304	0.0	1,094	12.8	1.1	0.0%	8.7%
QTP	Tiện ích	14.5	-0.7%	0.6	284	0.1	1,698	8.5	1.1	1.0%	12.4%
GEG	Tiện ích	14.2	0.7%	1.1	199	0.1	1,193	11.9	1.3	46.4%	8.1%
PPC	Tiện ích	14.0	1.8%	0.6	195	0.1	1,551	9.0	0.9	13.0%	9.9%
OIL	Tiện ích	8.6	-1.1%	1.5	387	0.1	493	17.4	0.9	6.1%	5.0%
DHC		40.0	0.3%	0.6	140	0.2	4,670	8.6	1.8	35.0%	22.0%
SAB	F&B, Bán lẻ	186.0	-1.0%	0.2	5,186	0.5	8,006	23.2	5.2	62.6%	23.6%
QNS	F&B, Bán lẻ	38.7	1.8%	0.5	601	0.1	4,226	9.2	1.6	19.5%	17.5%
DBC	F&B, Bán lẻ	13.8	0.7%	2.0	145	1.4	621	22.2	0.7	5.9%	3.2%
PET	F&B, Bán lẻ	20.5	1.5%	2.4	88	0.2	1,582	13.0	1.1		7.4%
HAG	F&B, Bán lẻ	7.4	0.8%	1.4	297	1.7	1,252	5.9	1.4	2.8%	24.8%
ANV	Thủy sản	30.9	-0.2%	1.7	179	0.9	5,299	5.8	1.4	6.6%	25.8%
VJC	Logistics	106.5	0.3%	0.2	2,508	0.8	(4,010)		4.1	17.5%	-14.0%
HVN	Logistics	13.2	1.9%	1.2	1,271	0.5	(4,720)			5.9%	
SCS	Logistics	66.2	-1.2%	0.3	270	0.1	6,505	10.2	4.6	29.6%	48.1%
VSC	Logistics	28.8	-1.2%	0.5	152	0.1	2,592	11.1	1.3	3.0%	12.9%
VTP	Logistics	26.5	0.0%	1.0	130	0.3	2,252	11.8	2.3	14.7%	20.1%
HAH	Logistics	32.9	1.5%	1.0	101	1.0	10,224	3.2	1.0	9.9%	40.1%
CTR	Công nghệ	56.1	0.4%	1.3	279	0.1	3,885	14.4	3.9	10.8%	30.3%
TNG	Dệt may	17.4	1.2%	1.7	80	1.0	2,835	6.1	1.2	13.0%	17.9%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2023_VN_Trong nguy có cơ	x		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook 2023		x	Click
3	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		Click
4	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click
5	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2022		x	Click
6	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2019	x		Click
7	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
8	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 9.2021	x		Click
9	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2022	x		Click
10	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2022		x	Click
11	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2022	x		Click
12	BSC_Vĩ mô Thị trường Quý II 2022	x		Click
13	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2022	x		Click
14	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2022		x	Click
15	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2022	x		Click
16	Triển vọng ngành Thủy sản 2022		x	Click
17	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 3.2022	x		Click
18	Triển vọng ngành Dệt May 2022		x	Click
19	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 2.2022	x		Click
20	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	Click
21	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	Click
22	Cơ hội từ Đầu tư công (lần 3)	x		Click
23	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2022	x		Click
24	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		Click
25	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
26	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
27	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
28	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
29	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
30	BSC_Vĩ Mô & Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
31	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
32	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý III 2021	x		Click
33	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
34	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
35	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
36	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
37	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
38	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
39	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
40	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
41	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
42	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
43	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
44	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639

